

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 27/11/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Mút

Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2832/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L (Đen), sinh năm 1994, tại B; Nơi cư trú: số B, ấp QĐ, xã Q, huyện P, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 và bà Võ Thị H, sinh năm 1966; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án, ngày 09/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 27/2017/HSST; bị cáo bị tạm giam ngày 18/10/2019, bị cáo có mặt tại tòa.

Bị hại:

1. Nguyễn Văn Toàn E, sinh năm 1988; Nơi cư trú: số M, ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh B (xin vắng mặt).

2. Bùi Văn D, sinh năm 1996; Nơi cư trú: số G, ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh B (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: số M, ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/6/2018 sau khi đến nhà anh Nguyễn Văn Toàn E uống rượu và hát Karaoke, Nguyễn Văn L thấy anh Toàn E để điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng trên bàn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng anh Toàn E không để ý Nguyễn Văn L lấy điện thoại bỏ vào túi quần và đi khỏi nhà anh Toàn E. Nguyễn Văn L đi đến khu vực nhà anh Bùi Văn D (ngụ cùng ấp AQ), L thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.75 của anh D để bên nhà có chìa khóa gắn sẵn trên xe, không người trong coi nên bị cáo tiếp tục lén lút lấy xe của anh D điều khiển về quốc lộ 57. Đến nhà chị Nguyễn Thị Yên L ở ấp QĐ, xã Q đang tổ chức nhậu Nguyễn Văn L đậu xe trước nhà chị L vào cùng uống rượu. L lấy điện thoại trộm của anh Toàn E tháo sim ra để gắn sim khác thì anh Bùi Văn D đến kêu L ra nói chuyện, hai bên xảy ra xô xát làm rớt điện thoại và thẻ sim của anh Toàn E. Sau đó Nguyễn Văn L bị công an mời làm việc.

* Vật chứng thu giữ:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng;

01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển số 71C3-092.75.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 10/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TP kết luận:

01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển số 71C3-092.75, số máy 5C6K-008440, số khung C6K0DY 008414. Giá trị còn lại là 8.280.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TP kết luận:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng; số IMEI 353289075033573, dung lượng bộ nhớ của máy là 64 GB. Tài sản đã qua sử dụng qua thẩm định thực tế tài sản loại tương đương có bán trên thị trường là 7.200.000 đồng.

01 sim Viettel số 01655856299 có giá trị là 35.000 đồng.

01 ốp lưng bằng nhựa không màu có giá trị 120.000 đồng.

Tổng giá trị là 7.355.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện P để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g, h khoản 1, Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả cho anh D và anh Toàn E. Hai bị hại không yêu cầu gì khác nên không đề cập. Đối với thẻ sim Viettel số 01655856299 bị cáo L đã làm mất không thu hồi được, anh Toàn E không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị tòa ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả cho anh Nguyễn Văn Toàn E 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng; số IMEI 353289075033573, dung lượng bộ nhớ của máy là 64 GB. Trả cho anh Bùi Văn D 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển số 71C3-092.75, số máy 5C6K-008440, số khung C6K0DY 008414.

Bị cáo Nguyễn Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận hành vi vào ngày 30/6/2018 khoảng 16 giờ 30 phút tại nhà anh Nguyễn Văn Toàn E ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh B. Bị cáo L lén lút chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng số IMEI 353289075033573, dung lượng bộ nhớ của máy là 64 GB. Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh Toàn E bị cáo L tiếp tục chiếm đoạt của anh Bùi Văn D (ngụ cùng ấp AT, xã AQ), mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.75. Qua định giá tài sản có tổng giá trị là 15.635 .000 đồng. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại tòa bị cáo Nguyễn Văn L thật thà khai báo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, thiệt hại không lớn. Bị cáo có bà nội được truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bị hại Nguyễn Văn Toàn E xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Luân.

[4] Tình tiết tăng nặng: Trong ngày 30/6/2018 bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Toàn E có giá trị 7.355.000 đồng và anh Bùi Văn D có giá trị 8.280.000 đồng hai lần bị cáo chiếm đoạt có giá trị đủ định lượng để truy tố nên phạm tội hai lần trở lên; Bị cáo L vào ngày 26/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù bản án 27/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện P đến ngày 30/6/2019 tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nên phạm tội trong trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về lượng hình: Trong vụ án bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện hành vi của mình là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo L đã đủ 18 tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ lười lao động nhưng muốn có tài sản để sử dụng nên đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Nguyễn Văn Toàn E và anh Bùi Văn D. Xét thấy hành vi chiếm đoạt của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo đã chấp hành hình phạt tù một thời gian nhưng bị cáo không sửa đổi mà bất chấp xem thường pháp luật. Sau khi khởi tố bị cáo nhận quyết định cấm khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo bỏ đi không trình báo và bị bắt theo lệnh truy nã. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm và cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giúp bị cáo học tập cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị hại anh Nguyễn Văn Toàn E và anh Bùi Văn D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác nên không xem xét. Đối với thẻ sim Viettel số 01655856299 bị cáo L đã làm mất không thu hồi được, anh Toàn E không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Cơ quan điều tra đã trả cho đã trả cho anh Nguyễn Văn Toàn E 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng; số IMEI 353289075033573, dung lượng bộ nhớ của máy là 64 GB. Trả cho anh Bùi Văn D 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển số 71C3-092.75, số máy 5C6K-008440, số khung C6K0DY 008414 là đúng quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[9] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng, đề nghị giải quyết các vấn đề khác là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g, h, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 18/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã thu hồi hoàn trả cho bị hại nên không xem xét.

3. Về vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA huyện P (1b);
- VKSND huyện P (1b);
- Chi Cục THADS huyện P (1b);
- UBND xã Q (1b);
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (4b);
- Lưu: HS; VP; KTNV(5b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thúy